CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ
THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VP
-----oo0oo-----
Số: 291026/CB-VP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.
-----***-----

SỞ XÂY DỰNG TỈNH HƯNG YÊN
ĐẾN Số:.....
Ngày 10/11/2026
Chuyển.....
Lưu hồ sơ số:.....

Hưng Yên, ngày 29 tháng 10 năm 2026

CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: **SỞ XÂY DỰNG TỈNH HƯNG YÊN**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Công ty TNHH xây dựng và thí nghiệm kiểm định VP xin thực hiện công bố công khai lại thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

- Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty TNHH xây dựng và thí nghiệm kiểm định VP
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1001277165 do phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Bình cấp đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 3 năm 2024
- Địa chỉ: Nhà ông Lương Văn Xuyên, thôn Kim Sơn, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- MST: 1001277165
- Số điện thoại liên hệ: 0392.686.659
- Giám đốc: Bà Đoàn Thị Thúy Hằng
- Địa chỉ hòm thư điện tử: thinghiemvp@gmail.com
- Website: thinghiemvp.com

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định công trình**
- Địa chỉ: Nhà ông Lương Văn Xuyên, thôn Kim Sơn, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Số điện thoại liên hệ: 0392.686.659
- Trưởng phòng thí nghiệm: Nguyễn Văn Thành – Kỹ sư xây dựng Cầu – Đường
- Mã số phòng thí nghiệm đã được cấp: **LAS- XD 53.003**

3. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm, thiêu chuẩn kỹ thuật, máy móc thiết bị, nhân sự:

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị, vật tư	Thí nghiệm viên thực hiện
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG			
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03; ASTM C188, C204	Sàng 0,09mm, cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy, bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoả	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11;ASTM C109-16a; ISO 679:09	Sàng (ISO 2591 và 3310-1), kích thước mắt sàng (ISO 565), máy trộn, khuôn (4x4x16cm), máy dằn (điển hình), máy thử độ bền uốn (10Kn,1%), máy thử độ bền nén (tăng tải 2400Kn;200N/s), gá định vị, tủ dưỡng hộ nhiệt ẩm	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, tính ổn định thể tích	TCVN 6017:15;TCVN 8875:12; ISO 9597 :2008 ASTM C187, C191	Dụng cụ Vica, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0,01g), ống đong, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây, cân (1g), máy trộn (ISO 679), thùng luộc mẫu, khuôn La Chaterlier	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
4	Xác định hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng	TCVN 8876:12	chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0,01g), ống đong, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây, cân (1g), máy trộn (ISO 679), thùng luộc mẫu, khuôn La Chaterlier	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA			
5	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06; ASTM C136	Cân kỹ thuật độ chính xác 1%; - Bộ sàng tiêu chuẩn, kích thước mắt sàng 2,5 mm; 5 mm; 10 mm; 20 mm; 40 mm; 70 mm; 100 mm và sàng lưới kích thước	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị, vật tư	Thí nghiệm viên thực hiện
			mắt sàng 140 µm; 315 µm; 630 µm và 1,25 mm theo Bảng 1; - Máy lắc sàng; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105^{0}C đến 110 ^{0}C.	Lương Đại Phong
6	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:06	Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105^{0}C đến 110^{0}C; - Giấy nhám	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
7	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước	TCVN 7572-4:06; ASTM C128	Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105^{o}C đến 110^{o}C; - Bình dung tích, bằng thuỷ tinh, có miệng rộng, nhẵn, phẳng dung tích từ 1,05 lít đến 1,5 lít và có tấm nắp đậy bằng thuỷ tinh, đảm bảo kín khí;	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
8	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06; ASTM C127:12	Cân kỹ thuật, có độ chính xác 1%;- Cân thủy tĩnh, có độ chính xác 1 %, và có giỏ đựng mẫu;- Thùng ngâm mẫu, bằng gỗ hay bằng vật liệu không gỉ; - Khăn thấm nước mềm và khô;- Thước kẹp;- Bàn chải sắt;- tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105 ^{o}C đến 110 ^{o}C	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
9	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:06; ASTM C29	Thùng đong bằng kim loại, hình trụ, dung tích 1 l; 2 l; 5 l; 10 l và 20 l, kích thước quy định trong Bảng ; - Cân kỹ thuật độ chính xác 1%; - Phễu chứa vật liệu ; - Bộ sàng tiêu chuẩn, theo TCVN 7572-2 : 2006; tủ sấy có bộ phận điều chỉnh	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị, vật tư	Thí nghiệm viên thực hiện
			nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105 °C đến 110^{0}C - Thước lá kim loại; - Thanh gỗ thẳng, nhẵn, đủ cứng để gạt cốt liệu lớn.	
10	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06; ASTM C566	Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C; - Dụng cụ đảo mẫu (thìa hoặc dao).	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
11	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06;ASTM C117; ASTM C142	Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 0,1 % và cân kỹ thuật có độ chính xác 1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105 °C đến 110 °C; - Thùng rửa cốt liệu ; - Đồng hồ bấm giây; - Tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng sạch; - Que hoặc kim sắt nhỏ.	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
12	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06; ASTM C40	- Ống hình trụ bằng thuỷ tinh có dung tích 250ml và 100ml - Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,1% - Bếp cách thuỷ - Sàng có kích thước lỗ 20mm - Thang màu để so sánh - Dung dịch: NaOH 3%, tananh 2%, rượu êtylic 1%	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
13	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06; ASTM C2938	- Máy nén thuỷ lực có lực ép đạt 500KN - Xi lanh bằng thép có đáy rơi - Cân kỹ thuật, độ chính xác 1% - Bộ sàng tiêu chuẩn, theo TCVN 7572-2:2006 - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị, vật tư	Thí nghiệm viên thực hiện
			nhiệt độ đảm bảo nhiệt độ sấy ổn định từ 105^0C đến 110^0C	
14	Xác định độ nén dập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06	- Máy nén thuỷ lực - Máy mài nước - Thùng hoặc chậu để ngâm nước - Máy khoan và máy cưa đá	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
15	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06 ASTM C131, C535; AASHTO T96,T327	- Thước kẹp - Máy thử độ hao mòn va đập Los Angeles có các viên bi thép khối lượng từ 390g đến 445g trên 1 viên - Cân kỹ thuật, độ chính xác 1% - Bộ sàng kích thước 37,5; 25; 19; 12,5; 9,5; 6,3; 4,75; 2,36; 1,7mm - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đảm bảo nhiệt độ sấy ổn định từ 105^0C đến 110^0C	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
16	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06; ASTM D4791	- Cân kỹ thuật, độ chính xác 1% - Thước kẹp cải tiến - Bộ sàng tiêu chuẩn - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đảm bảo nhiệt độ sấy ổn định từ 105^0C đến 110^0C	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
17	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:06	- Cân kỹ thuật với độ chính xác 0,01 g; - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ; - Bộ sàng tiêu chuẩn, theo TCVN 7572-2 : 2006; - Kim sắt và kim nhôm; búa con	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
18	Xác định lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06	- Cân kỹ thuật với độ chính xác 0,01 g; - Kính lúp;	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
19	Xác định hàm lượng mica trong	TCVN 7572-20:06	Cân (0.001g); tủ sấy; bộ sàng tiêu chuẩn; giấy nhám; đũa thủy	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị, vật tư	Thí nghiệm viên thực hiện
	cốt liệu nhỏ		tinh	Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
20	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419; AASHTO T176	Máy nén thủy lực Dụng đo modun đàn hồi Đồng hồ biến dạng sái số 0,0001mm	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
21	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	TCVN 8724:12; ASTM D1883	Bộ dụng cụ đo góc dốc của cát, cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng, thước kẹp hoặc thước lá	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
22	Cát nghiền cho bê tông và va: Xác định hạt lượng hạt < 0,075mm, thành phần hạt, hàm lượng sét	TCVN 9205:12; ASTM C117; AASHTO T11	Máy nén thủy lực Dụng đo modun đàn hồi Đồng hồ biến dạng sái số 0,0001mm Bộ dụng cụ đo góc dốc của cát, cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng, thước kẹp hoặc thước lá	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG			
23	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:22;TCVN 9028:11; EN 1015-1:99	Bộ sàng tiêu chuẩn	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
24	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:22;TCVN 9028:11; ASTM C1437	Dụng cụ thử độ lưu động hỗn hợp vữa, chày đầm bằng thép (Φ10-12mm, dài 250mm), chảo sắt, xẻng con, bay thợ nề	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
25	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:22	Bình trụ bằng sắt (1000 ± 2ml), chày đầm, cân kỹ thuật (1g), dao, bay, chảo sắt	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị, vật tư	Thí nghiệm viên thực hiện
				Lương Đại Phong
26	Xác định khả năng giữ nước của vữa tươi	TCVN 3121-8:22; TCVN 9028:11	Đồng hồ bấm dây, giấy lọc, chảo sắt, bay, thiết bị tạo chân không	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
27	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:22;TCVN 9028:11; ASTM C807	Thiết bị xác định thời gian đông kết, khuôn đúc mẫu, kim xuyên tiêu chuẩn,...	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
28	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:22; TCVN 9028:11	- Cân kỹ thuật với độ chính xác 0,01 g; - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ; - Parafin; - Bộ gá cân thuỷ tĩnh	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
29	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:22;TCVN 9028:11; ASTM C109	Khuôn (40x40x160)mm, hoặc khuôn (70,7x70,7x70,7)mm, máy nén thủy lực (±2%), 2 tấm đệm bằng thép (chày đầm, bộ khuôn gá lắp khi dùng khuôn 70,7 x 70,7 x70,7mm), bộ gá uốn	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
30	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:22 ASTM C1218:99	Cân kỹ thuật (1g), thùng ngâm mẫu, tủ sấy 200^{0}C, khăn lau	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
31	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3106:2022; ASTM C143; AASHTO	Côn thử độ sụt, que chọc, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị, vật tư	Thí nghiệm viên thực hiện
		T119		
32	Xác định độ cứng VEBE của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107:2022	Nhớt kế VEBE, bàn rung, thanh thép tròn, đồng hồ bấm giây	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
33	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93;ASTM C138; AASHTO T121	Thùng kim loại 5, 15 1ít, thiết bị đầm (2800 – 3000 vg/ph, biên độ 0.35 0.5mm), cân kỹ thuật (50g), thước lá thép 400mm	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
34	Xác định độ tách nước và tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022; ASTM C232	Khuôn thép 200x200x200mm, bàn rung, que chọc, cân kỹ thuật 50kg, sàng 5mm, thước lá kim loại, ống đong 50-200ml, pipet 5ml, tủ sấy, khay sắt	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
35	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:93	Cân kỹ thuật 50kg (0.1g), sàng (5, 1, 2, 0.15), tủ sấy, khay sắt, khay sấy, xẻng xúc	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
36	Xác định khối lượng riêng của bê tông nặng	TCVN 3112:2022; ASTM C642	Bình khối lượng riêng , cân (0.01g), búa con, cối chày đồng, bình hút ẩm, tủ sấy, sàng 2 hoặc 2.5mm, nước lọc, dầu hỏa, cồn 90^0	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
37	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022; ASTM C642	Cân kỹ thuật (5g), thùng ngâm mẫu, tủ sấy, khăn lau.	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
38	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022; ASTM C418	Máy mài, cân, thước kẹp, cát mài	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị, vật tư	Thí nghiệm viên thực hiện
				Lương Đại Phong
39	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022; ASTM C138, C642	Cân kỹ thuật (50g), thước lá kim loại, bếp điện và thùng nấu paraphin, tủ sấy	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
40	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022; ASTM C1585	Máy thử độ chống thấm, Paraphin, tủ sấy, giá ép mẫu	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
41	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022 ASTM C39, C42 AASHTO T22, T140	Máy nén 200 tấn, thước lá kim loại, đệm truyền tải	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
42	Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C293, C78; AASHTO T97, T177	Bộ gá thử uốn 2 điểm, thước lá kim loại.	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
43	Xác định cường độ kéo khi bửa	TCVN 3120:2022; ASTM C496; AASHTO T198	Gối truyền tải, đệm gỗ	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
44	Xác định cường độ lăng trụ và modun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:22; ASTM C469	Máy nén, biến dạng kế, thước lá kim loại	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
45	Xác định nhiệt độ hỗn hợp bê tông	ASTM C1064;	Nhiệt kế	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị, vật tư	Thí nghiệm viên thực hiện
		AASHTO T309		Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
46	Xác định cường độ bê tông bằng phương pháp khoan lấy mẫu từ cấu kiện	TCVN 12252:2020 TCXDVN 239:06; ASTM C42	Máy khoan lấy mẫu, máy cắt mẫu bê tông, máy nén, thước kẹp,…	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG			
47	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:12;ASTM D854; AASHTO T100	Cân kỹ thuật (0.01g), bình tỷ trọng (100cm^3), cối chày sứ (đồng),rây 2mm, bếp cách cát, tủ sấy, tỷ trọng kế, thiết bị ổn nhiệt, hộp nhôm có nắp	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
48	Xác định độ ẩm và hút ẩm	TCVN 4196:12; ASTM D2216	Tủ sấy (t^0) đến 300^{0}C, cân kỹ thuật (0.01g), hộp nhôm có nắp), bình hút ẩm có Cloruacanxi, rây 1mm, cối và chày sứ có đầu bọc cao su, khay men phơi đất	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
49	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:12; ASTM D4318; AASHTO T89; T90	Bộ quả dọi Vaxiliep, tấm kính nhám, rây 1mm, cối chày sứ có đầu bọc cao su, bình thuỷ tinh có nắp, cân kỹ thuật (0.01g), cốc thuỷ tinh (hộp nhôm có nắp), tủ sấy (t^0), bát sắt tráng men, dao để trộn, dụng cụ Casagrande	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
50	Xác định các thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14; ASTM D1140, D422; AASHTO T88, T27	Cân kỹ thuật(0.01), bộ ray (10 ; 5 ; 2 ; 1.05 ; 0.25 ; 0.1), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình hút ẩm có Cloruacanxi, tủ sấy (t^0), quả lê bằng cao su, dao con, cân (01 g), máy sàng lắc, cân phân tích, tỷ trọng kế (0.001), bộ	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị, vật tư	Thí nghiệm viên thực hiện
			phận đun và làm lạnh, bình tam giác (1000 cm3, Φ 60 ± 2mm), nhiệt kế (0.5^{0}C), que khuấy, đồng hồ bấm, máy rửa, ống hút(5cm^3, 50cm^3), thước thẳng 20cm	
51	Xác định độ chặt tiêu chuẩn đầm nén đất, cấp phối đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:12; 22TCN 333:06; TCVN 12790:2020ASTM D1557,AASHTO T99, T180	Cối đầm nện và cần dẫn búa bằng kim loại, cân kỹ thuật (0.01g), sàng 5mm, bình phun nước, tủ sấy (t^0), bình hút ẩm có Clorua canxi, hộp nhôm có nắp (cốc thuỷ tinh), dao gọt đất, vồ đập đất, (khay 40x60 cm), vải phủ, cối sứ và chày bọc cao su	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
52	Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:12; AASHTO T216 ASTM D2435, D2937	Dao vòng bằng kim loại - Thước cặp, - Dao cắt có lưỡi thẳng, - Cân kỹ thuật (0,01 và 0,1g), - Các tấm kính, - Dụng cụ xác định độ ẩm, - Hộp nhôm hoặc cốc thuỷ tinh có nắp, - Tủ sấy (t0), - Bình hút ẩm	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
53	Thí nghiệm sức chịu tải của đất , cấp phối đá dăm (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:06;TCVN 12792:2020ASTM D1883; AASHTO T193	Máy nén CBR, - Cối đầm loại to (D=152,4 mm), - Chày đầm tiêu chuẩn, - Chày đầm cải tiến , - Cối CBR, - Tấm đệm, - Tấm đo - Trương nở, - Đồng hồ đo trương nở, - Giá đỡ thiên phân kế,	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
54	Xác định hệ số thấm K, đặc trưng	TCVN 8723:12; ASTM	- Bộ thấm đất cột nước không đổi	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị, vật tư	Thí nghiệm viên thực hiện
	hệ số thấm	D2434	- Bộ thấm đất cột nước thay đổi - Bảng cấp nước cho bộ thấm - Bình chứa nước	Lương Đại Phong
55	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:12	- Thiết bị thí nghiệm trương nở chuyên dụng, - Dao vòng chứa mẫu thí nghiệm trương nở có dạng trụ tròn - Thiết bị, dụng cụ xác định độ ẩm của đất - Thiết bị, dụng cụ xác định khối lượng thể tích của đất - Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,01:0,1 và 1g; - Bộ dụng cụ làm phân tán đất, gồm chày gỗ, cối sứ và chày đầu bọc cao su; - Sàng có lỗ sàng 2 mm; - Bộ dụng cụ chế bị mẫu thí nghiệm từ mẫu đất không nguyên trạng - Nước cất hoặc nước sạch	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
56	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:12	- Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,01:0,1 và 1g; - Bộ dụng cụ làm phân tán đất, gồm chày gỗ, cối sứ và chày đầu bọc cao - Bộ dụng cụ xác định co ngót	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
57	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:12	- Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,01:0,1 và 1g; - Tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn - Bộ dụng cụ làm phân tán đất, gồm chày gỗ, cối sứ và chày đầu bọc cao - Bộ dụng cụ xác định góc nghỉ đất rời	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
58	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:12; ASTM D2974; AASHTO	Tủ sấy, có thể sấy tới 300°C - Bình hút ẩm có chất hút ẩm silicagel; - Các cân phân tích có độ chính xác 0,001 g hoặc 0,0001 g; - Cối và chày bằng sứ hoặc thủy	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị, vật tư	Thí nghiệm viên thực hiện
		T267	tinh, đầu chày bọc cao su; - Các sàng thí nghiệm lỗ 2 mm; 0,25 mm; - Hộp chia mẫu nhiều rãnh hoặc dụng cụ chia mẫu thích hợp; - Các ống đong bằng thủy tinh, có dung tích chuẩn 10; 25 ; 50; 100; 250 ;500 và 1000 ml; - Ống hút (pipet) chia vạch chính xác đến 0,1 ml; - Ống chuẩn độ (buret) các loại dung tích 10; 25 ml, chia vạch chính xác đến 0,1 ml. - Ống nhỏ giọt; - Bình tam giác các loại, có dung tích chuẩn 50; 100; 250; 500 và 1000 ml; - Giấy lọc định tính; Bếp đun; - Các dụng cụ thí nghiệm thường dùng khác.	
59	Xác định hàm lượng muối trong đất	TCVN 8727:12	- Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,01:0,1 và 1g; - Bộ dụng cụ làm phân tán đất, gồm chày gỗ, cối sứ và chày đầu bọc cao - Tủ sấy, hóa chất và các thuốc thử	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN			
60	Thử kéo	TCVN 197:14; TCVN 314:08; ASTM A370; AASHTO T68; ISO 15630-1;	Máy kéo thuỷ lực vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp (5%mm), dụng cụ Palme (1%mm), cân kỹ thuật (0,1g), thước lá kim loại.	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị, vật tư	Thí nghiệm viên thực hiện
		ISO 6892-1:09;AST MA36/A240/A572/ A588/A709		
61	Thử uốn	TCVN 198:08; ASTM A370; JIS Z2248:96; ISO 15630 -1	Máy kéo thuỷ lực vạn năng và phụ kiện (êtô, đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..)	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
62	Cốt thép - Phương pháp uốn và uốn lại	TCVN 6287:97	Máy kéo thuỷ lực vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp (5%mm), dụng cụ Palme (1%mm), cân kỹ thuật (0,1g), thước lá kim loại.	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
63	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 5401:10	Máy kéo thuỷ lực vạn năng và phụ kiện (êtô, đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..)	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
64	Thử kéo bu lông, thép cường độ cao	TCVN 1916:95	Máy kéo thuỷ lực vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp (5%mm), dụng cụ Palme (1%mm), cân kỹ thuật (0,1g), thước lá kim loại.	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
65	Thử nghiệm kéo mối nối bằng ống ren (Nối Coupler)	TCVN 8163:09	Máy kéo thuỷ lực vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp (5%mm), dụng cụ Palme (1%mm), cân kỹ thuật (0,1g), thước lá kim loại.	Lương Thanh Sơn Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG			
66	Xác định khối	22TCN	Bộ dung cụ Dao đai, cân đĩa 5	Hoàng Đình Đức

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị, vật tư	Thí nghiệm viên thực hiện
	lượng thể tích của đất, cấp phối đá dăm tại hiện trường bằng phương pháp dao đai	02:71; TCVN 8729:12; ASTM D2937; AASHTO T204	kg (1-2g), cân đĩa 5kg (0.1g), dao gạt đất, hộp nhôm, vazơlin, chảo sấy, cồn búa đóng loại 0.5kg, gỗ đệm	Bùi Chiến Công Lương Đại Phong Hoàng Đình Đức
67	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06; TCVN 8729:12; ASHTO-T191; ASTM D1556	Phễu rót cát cân kỹ thuật, thiết bị sấy, búa chim, đục xẻng, bay, túi bao đựng mẫu khô, xô, vải bạt cát chuẩn	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
68	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3 m	TCVN 8864:11	Thước 3m gấp, nêm có chiều dày 3, 5, 7, 10, 15 mm	Hoàng Đình Đức
69	Xác định modun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng	TCVN 8861:11; AASHTO T256	Tấm ép cứng chuyên dụng, kích (dầm khung ép), lực kế	Hoàng Đình Đức
70	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11; ASTM E965	Cát chuẩn, dụng cụ rắc cát	Hoàng Đình Đức
71	Cọc - Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12; ASTM D1143	Kích thủy lực có gắn đồng hồ lực, khung dầm chất tải, bách phân kế,...	Trần Thanh Hưng
72	Đo điện trở đất	TCVN 9385:12	Thiết bị đo điện trở đất, cọc tiếp địa, dây nối	Lê Bá Phương
73	Kiểm tra không phá hủy xác định	TCVN 5879:09	Kính lúp, căn lá,...	Lương Thanh Sơn

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị, vật tư	Thí nghiệm viên thực hiện
	chiều rộng vết nứt của bê tông bằng kính lúp			Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH			
74	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09	Dùng thước lá Thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc.	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
75	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09; ASTM C67- 12; AASHTO T32-10	Máy nén thủy lực có bảng lực từ 30 đến 60 tấn sai số của máy không lớn hơn ±2%, máy cưa để tạo mẫu thử, thước đo có độ chính xác tới 1mm, các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu bay, chảo … trộn vữa xi măng.	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
76	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09; ASTM C67- 12; AASHTO T32-10	Máy thử uốn hoặc nén, thước đo có độ chính xác tới 1mm, các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu bay chảo ….	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
77	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09; ASTM C67- 12; AASHTO T32-10	Tủ sấy tới 200^{0}C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
78	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09	Tủ sấy tới 200^{0}C có điều chỉnh nhiệt độ,bình cao cổ để xác định khối lượng riêng, cân kỹ thuật 500g chính các 0.01g, 500ml dầu hỏa.	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
79	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, Tủ sấy tới 200^{0}C có điều chỉnh nhiệt độ, thước đo có độ	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị, vật tư	Thí nghiệm viên thực hiện
			chính xác tới 1mm,	Lương Đại Phong
80	Gạch bê tông tự chèn: Xác định thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; cường độ uốn; độ mài mòn, độ hút nước	TCVN 6476:99; ASTM C140	- Các miếng kính để là phẳng mặt vữa trát mẫu. - Bay chảo để hồ trộn xi măng. - Máy nén có thang lực thích hợp -Bộ má ép bằng thép Tủ sấy tới 200C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, Thùng để ngâm mẫu Thước cặp thép có độ chính xác 0.01ml , cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,1g, tủ sấy, cát , máy mài gạch,	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
81	Gạch Tezzarro: Thí nghiệm kích thước, độ bền uốn, độ hút nước, độ co khô, độ mài mòn	TCVN 7744:13	Thước lá, thước vuông, thước callip chuyên dụng, thước kẹp cơ khí độ chính xác 0,01mm, Nivol độ chính xác 0,1mm Tấm dưỡng kim loại có chiều dày và độ chính xác 0,1mm Tủ sấy tới 200C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
82	Gạch lát Granito: Kiểm tra ngoại quan, xác định độ mài mòn, độ hút nước, độ chịu lực xung kích, độ cứng lớp mặt, tải trọng gãy toàn viên	TCVN 6074:95	Thước lá, thước vuông, thước callip chuyên dụng, thước kẹp cơ khí độ chính xác 0,01mm, Nivol độ chính xác 0,1mm Tấm dưỡng kim loại có chiều dày và độ chính xác 0,1mm Tủ sấy tới 200C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
83	Ngói lợp: Xác định tải trọng uốn gãy, độ hút nước, thời gian xuyên nước, khối lượng 1m2 ngói bão hoà nước	TCVN 4313:95	Thước lá, thước vuông, thước callip chuyên dụng, thước kẹp cơ khí độ chính xác 0,01mm, Nivol độ chính xác 0,1mm Tấm dưỡng kim loại có chiều dày và độ chính xác 0,1mm Tủ sấy tới 200C có điều chỉnh nhiệt độ,	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị, vật tư	Thí nghiệm viên thực hiện
			Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu	
84	Ngói amiăng xi măng: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, xác định tải trọng uốn gãy, xác định thời gian xuyên nước, xác định khối lượng thể tích	TCVN 4435:00	Thước lá, thước vuông, thước callip chuyên dụng, thước kẹp cơ khí độ chính xác 0,01mm, Nivol độ chính xác 0,1mm Tấm dưỡng kim loại có chiều dày và độ chính xác 0,1mm Tủ sấy tới 200C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
85	Ngói gốm tráng men: Xác định khuyết tật ngoại quan, tải trọng uốn gãy, độ hút nước	TCVN 9133:11	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,01g. Bình thuỷ tinh 250 ml có miệng rót. Bếp cát. Bình hút ẩm. Phễu thuỷ tinh. Giấy lọc. Bình để rửa. Tủ sấy.Bát sứ.	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
86	Sản phẩm bê tông nhẹ, gạch bê tông nhẹ, xác định: kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; khối lượng thể tích khô; độ co khô	TCVN 9030:17	- Thước lá, thước vuông, thước callip chuyên dụng, thước kẹp cơ khí độ chính xác 0,01mm, Nivol độ chính xác 0,1mm - Tấm dưỡng kim loại có chiều dày và độ chính xác 0,1mm - Tủ sấy tới 200C có điều chỉnh nhiệt độ, - Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu - Thiết bị thử độ co - Đồng hồ đo biến hạng - Tủ sấy , Cân kỹ thuật	Hoàng Đình Đức Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
	THỬ NGHIỆM SƠN, VECNI			
87	Xác định độ mịn	TCVN 2091:08	Thước đo độ mịn gồm một khối thép rắn có kích thước khoảng175 x 65 x 13 mm được làm bằng thép không gỉ, hoặc phải đảm bảo ít nhất là không bị gỉ khi thử nghiệm với sơn. Bề mặt phía trên khối thép phải	Bùi Chiến Công Lương Đại Phong

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị, vật tư	Thí nghiệm viên thực hiện
			phẳng, nhẵn, có một hoặc hai rãnh với kích thước rãnh khoảng 140 x12,5 mm	
88	Xác định thời gian chảy	TCVN 2092:93	Phễu chảy FC – 4 Nhiệt kế chính xác đến $0,2^0$C và được chia độ đến các khoảng $0,1^0$C Đồng hồ bấm giây	Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
89	Xác định hàm lượng chất rắn và chất tạo màng	TCVN 2093:93	Máy ly tâm có vỏ đậy kín, tốc độ quay 1500 - 4200 vòng/phút và có bộ phận điều chỉnh tốc độ. Bình cầu đáy tròn, dung tích 250 - 300 ml, có cổ nhám. Ống làm lạnh. Bình hút ẩm có chứa axit sunphuric hoặc canxi clorua. Bình cách thuỷ có bộ phận đốt nóng bằng điện kiểu kín. Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,01g. Giấy lọc. Dung môi.	Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
90	Xác định độ phủ, chiều dày lớp phủ	TCVN 2095:93	Dụng cụ đo kiểu răng lược	Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
91	Xác định thời gian khô và độ khô	TCVN 2096:93	Thiết bị đo tiêu chuẩn	Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
92	Xác định độ bám dính của màng	TCVN 2097:93	Dao cắt , chổi long mềm, kính lúp	Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
93	Xác định chiều dày màng sơn khô bằng phương pháp không phá huỷ	TCVN 9406:12	Thiết bị gia công tạo mẫu, chổi quét, thước kẹp, thiết bị thử siêu âm chiều dày	Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
94	Xác định độ bền rửa trôi của màng sơn	TCVN 8653-4:12	- Cân kỹ thuật, có độ chính xác 0,01 g; - Xô nhựa, có dung tích 5 lít; - Thìa sứ; - Khăn lau, khô và có khả năng thấm nước;	Bùi Chiến Công Lương Đại Phong

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị, vật tư	Thí nghiệm viên thực hiện
			- Ống đong, 1000 mL; - Chổi quét sơn, chiều rộng (25 ÷ 30) mm; - Xà phòng bột, phù hợp theo TCVN 5720:2001; - Bình phun dung dịch rửa; - Bàn chải có các thông số sau: Kích thước bàn chải (90 x 38 x 25) mm; - Giấy đo pH; - Đồng hồ bấm giây. - Thiết bị xác định độ bền cọ rửa trôi	
	THÍ NGHIỆM THẠCH CAO, KHUNG XƯƠNG, BỘT BẢ			
95	Khung xương thạch cao: Xác định dung sai kích thước, khả năng chịu tải	ASTM C635/C635M	Khung thử tải, thước mét, thước kẹp	Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
96	Lấy mẫu, kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon và độ vuông góc của cạnh.	TCVN 8257-1:09	Thước đo chiều dài, chiều rộng có độ chính xác đến 1 mm. - Thước cặp có độ chính xác đến 0,02 mm. - Thước vuông có chiều dài cạnh không nhỏ hơn 1220 mm.	Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
97	Xác định cường độ Chịu uốn	TCVN 8257-3:09	Thiết bị thử có thể gia tải với tốc độ không đổi bằng (4,45 ± 0,45) N/s. Thiết bị thử có thể điều khiển tốc độ gia tải ở tốc độ ứng suất 25 mm/(60 ± 5) s.	Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
98	Xác định độ kháng nhổ đinh	TCVN 8257-4:09	Giá đỡ có lỗ ở trung tâm, đường kính lỗ 76 mm. Giá đỡ mẫu này có kích thước không nhỏ hơn (152 x 152) mm, được gắn vào thiết bị gia tải sao cho bề mặt	Bùi Chiến Công Lương Đại Phong

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị, vật tư	Thí nghiệm viên thực hiện
			vuông góc với chiều chuyển dịch của đinh thử. Giá đỡ mẫu cũng phải cố định sao cho phương thẳng đứng của thân đinh đi qua tâm của lỗ.	
99	Xác định độ hút nước	TCVN 8257-6:09	Bể nước: Có kích thước không nhỏ hơn (406 x 406 x 75) mm có thể chứa nước ở nhiệt độ ổn định ở (27 ± 2) °C. 5.2. Đũa thủy tinh: có đường kính 6 mm hoặc thanh đỡ khác có thể giữ mẫu không chạm đáy bể chứa. 5.3. Cân: có độ chính xác đến 0,5 g.	Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
100	Xác định độ hấp thụ nước bề mặt	TCVN 8257-7:09	Thước lá, thước góc, bể ngâm mẫu, cân; tủ sấy, dụng cụ xác định độ hút nước,…	Bùi Chiến Công Lương Đại Phong
101	Bột bả: Xác định độ mịn, thời gian đông kết, khối lượng thể tích, độ giữ nước, độ cứng bề mặt, cường độ bám dính nền	TCVN 7239:14	- Thước lá, thước vuông, thước callip chuyên dụng, thước kẹp cơ khí độ chính xác 0,01mm, Nivol độ chính xác 0,1mm - Tấm dưỡng kim loại có chiều dày và độ chính xác 0,1mm - Tủ sấy tới 200C có điều chỉnh nhiệt độ, - Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu - Thiết bị thử độ co - Đồng hồ đo biến hạng - Tủ sấy , Cân kỹ thuật	Bùi Chiến Công Lương Đại Phong

Công ty TNHH xây dựng và thí nghiệm kiểm định VP cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, hợp pháp của nội dung công bố và các hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VP

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VP

GIÁM ĐỐC

Đoàn Thị Thúy Hằng

DANH SÁCH CBCNV, MÁY MÓC THIẾT BỊ

(Kèm theo Công văn Số: 291026/CB-VP ngày 29 tháng 10 năm 2026)

1. Danh sách CBCNV Phòng thí nghiệm:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Kinh Nghiệm	Chức danh
1	Nguyễn Văn Thành	1987	1. Kỹ sư xây dựng Cầu – Đường 2. Chứng chỉ nghiệp vụ quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025; 3. Chứng chỉ thí nghiệm viên: Thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng	13 năm	Trưởng phòng kiêm trạm trưởng trạm thí nghiệm hiện trường dự án Khu dân cư Thuỷ Nguyên
2	Lương Thanh Sơn	1989	1. Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp 2. Chứng chỉ nghiệp vụ quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025; 3. Chứng chỉ thí nghiệm viên: Phương pháp xác định tính chất cơ - lý của vật liệu kim loại và liên kết hàn 4. Chứng chỉ thí nghiệm viên: Phương pháp xác định tính chất cơ - lý của bê tông và vật liệu cho bê tông trong phòng và hiện trường	12 năm	Phó giám đốc kiêm thí nghiệm viên
3	Bùi Chiến Công	1990	1. Kỹ sư công nghệ vật liệu 2. Chứng chỉ nghiệp vụ quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025; 3. Chứng chỉ thí nghiệm viên: Thí nghiệm vật liệu xây dựng 4. Chứng chỉ thí nghiệm viên: Thử nghiệm các tính chất cơ – lý của gạch và bê tông	12 năm	Phó phòng thí nghiệm kiêm trạm trưởng trạm thí nghiệm hiện trường dự án Khu chung cư thương mại và dịch vụ hỗn hợp NEWTECH

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Kinh Nghiệm	Chức danh
4	Hoàng Đình Đức	1985	1. Chứng chỉ thí nghiệm viên xây dựng công trình giao thông. 2. Chứng chỉ tập huấn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007	10 năm	Phó phòng thí nghiệm
5	Lê bá Phương	1984	1. Thí nghiệm viên đo điện trở tiếp địa, điện trở cách điện, độ bền cách điện	17 năm	Nhân Viên
6	Lương Đại Phong	1974	1. Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng	6 năm	Nhân viên
7	Trần Thanh Hưng	1989	1. Chứng chỉ thí nghiệm viên thí nghiệm kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc	5 năm	Nhân viên

2. Dụng cụ và trang thiết bị trong trung tâm thí nghiệm:

Số TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	SL	ĐVT	Hiện trạng sử dung
1	Máy kéo nén vạn năng 1000kN (Hiển thị điện tử bằng màn hình LCD) - Hãng sản xuất: Senxin - Model: WA-1000 Phù hợp tiêu chuẩn thí nghiệm: SO6892, BS4449,ASTM C39,ISO75001, ASTM A370, ASTM E4, ASTM E8 and BSEN standards và TCVN	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
2	Bộ gối uốn thép dùng cho máy kéo thép vạn năng: Phù hợp với TCVN/ISO bao gồm 21 cỡ tiêu chuẩn: Bao gồm các cỡ gối: D30; D32; D36; D40; D42; D48; D50; D56; D60; D64; D70; D72; D80; D84; D96; D108; D120; D132; D150; D168; D192mm, bộ gá trên cho các gối, thùng gỗ	VN	2	Bộ	Hoạt động tốt
3	Bộ gá kéo bu lông (13 cỡ) dùng thử kéo Bulong trên máy kéo thép đường kính từ bulong M6-M32: Cung cấp bao gồm các đầu kéo thay thế cho bulong: M6; 8; 10; 12; 14; 16; 18; 20; 22; 25; 28; 30; 32mm, bộ gá trên, dưới, thùng gỗ	VN	2	bộ	Hoạt động tốt
4	Máy nén bê tông 2000KN (Bản cao cấp, kiểu dáng LUDA) Model: TYA-2000 Hãng sản xuất: Senxin	TQ	2	ch	Hoạt động tốt

Số TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	SL	ĐVT	Hiện trạng sử dụng
	Máy dùng để nén, uốn, bê tông, gạch, xi măng và các vật liệu xây dựng khác. Điều chỉnh khoảng cách nén bằng trục ren chịu lực cường độ cao Khả năng nén Max: 2000KN Sai số: ±1% Áp suất dầu lớn nhất: 45MPa Khoảng cách lớn nhất 2 tấm nén: 365mm Kích thước tấm nén: 240x240mm Hành trình piston: 50mm Đường kính piston: 250mm Tốc độ đi lên lớn nhất của piston: 50mm/min Tốc độ hồi của piston: 20mm/min				
5	Khuôn bê tông lập phương 150mm, bằng nhựa	VN	20	ch	Hoạt động tốt
6	Côn thử độ sụt bê tông N1 bằng INOX Côn chuẩn D100 x D200 x H300 Bao gồm: Côn chuẩn, phễu hứng, tấm đế thép 500x500x2,5mm (có 1 tai xách), thanh đầm, ca xúc mẫu tròn, thước là 500mm	VN	2	bộ	Hoạt động tốt
7	Bộ ép chẻ mẫu bê tông hình trụ D150	VN	2	bộ	Hoạt động tốt
8	Dụng cụ Vica Dùng xác định độ dẻo tiêu và thời gian đông kết, thời gian kết thúc đông kết của xi măng Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính.	TQ	2	bộ	Hoạt động tốt
9	Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm	TQ	2	bộ	Hoạt động tốt
10	Khuôn 40x40x160 kép 3, bằng nhựa	TQ	6	bộ	Hoạt động tốt
11	Cát chuẩn 0,08-2mm, ISO 679 Trọng lượng tiêu chuẩn: 1.35kg/1 túi	VN	30	túi	Hoạt động tốt
12	Khuôn Le Chatelier	TQ	12	ch	Hoạt động tốt
13	Bình tỷ trọng xi măng Dùng để đo tỷ trọng xi măng Thể tích 250 ml Vạch chia từ 0 - 1 ml và từ 18 - 24 trên cổ bình Độ chính xác 0,5 ml	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
14	Bộ xi lanh nén dập đá dăm D150	VN	2	bộ	Hoạt động tốt

số kỹ thuật

Số TT	Tên thiết bị, dụng cụ kỹ thuật	Xuất xứ	SL	ĐVT	Hiện trạng sử dụng
15	Bộ xi lanh nén dập đá dăm D75	VN	2	bộ	Hoạt động tốt
16	Phễu xác định độ xốp của đá, không kèm thùng đong	VN	2	ch	Hoạt động tốt
17	Phễu xác định độ xốp của cát, không kèm thùng đong	VN	2	ch	Hoạt động tốt
18	Thùng dung trọng 1 lít (Hộc đong)	VN	2	ch	Hoạt động tốt
19	Thùng dung trọng 2 lít (Hộc đong)	VN	2	ch	Hoạt động tốt
20	Thùng dung trọng 5 lít (Hộc đong)	VN	2	ch	Hoạt động tốt
21	Thùng dung trọng 10 lít (Hộc đong)	VN	2	ch	Hoạt động tốt
22	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá)	VN	2	ch	Hoạt động tốt
23	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát)	VN	2	ch	Hoạt động tốt
24	Bảng màu chuẩn	VN	2	ch	Hoạt động tốt
25	Bộ kim sắt xác định độ phong hoá của đá (3 chiếc/bộ)	VN	1	bộ	Hoạt động tốt
26	Thước đo hạt dài dẹt, tỷ lệ 1:3	VN	2	ch	Hoạt động tốt
27	Bộ dụng cụ xác định góc nghỉ tự nhiên của cát	VN	2	bộ	Hoạt động tốt
28	Thiết bị xác định góc cạnh của cát theo TCVN 8860-7:2011. Bao gồm: Phễu côn rót, bộ gá phễu, ống đong dung tích chuẩn.	VN	2	bộ	Hoạt động tốt
29	Bộ sàng D300 lỗ vuông bao gồm các cỡ từ 0,071 - 90mm	TQ	40	ch	Hoạt động tốt
30	Máy nén CBR 50KN (loại dùng cung lực) Model: CBR -2 Khả năng tải Max: 50KN Tốc độ tải:1,27 mm/phút. Loại 1 tốc độ tiêu chuẩn, di chuyển nhanh khi không tải bằng tay quay. Trọng lượng khoảng: 60kg Bao gồm: Máy chính, Piston xuyên, gá đỡ đồng hồ so, 02 đồng hồ so 10 x 0,01mm, kèm cung lực 50KN.	TQ	1	ch	Hoạt động tốt

Số TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	SL	ĐVT	Hiện trạng sử dụng
31	Khuôn CBR tiêu chuẩn mạ cầu vồng. Phù hợp với TCVN, ASTM Gồm: Thân khuôn, cổ khuôn, đế khuôn, đĩa đo trương nở, quả gia tải có rãnh, quả gia tải không rãnh, giá đỡ đồng hồ so, đồng hồ so 10x0,01mm.	VN	3	bộ	Hoạt động tốt
32	Đĩa phân cách tiêu chuẩn.	VN	1	ch	Hoạt động tốt
33	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất Bao gồm: Tấm kính, bình xịt, 3 cốc ẩm, dao trộn, bát trộn, hộp đựng.	VN	1	bộ	Hoạt động tốt
34	Thiết bị xác định giới hạn chảy casagrande Bao gồm: Bộ dụng cụ xác định độ giới hạn chảy của đất kèm bộ đếm, dụng cụ khía rãnh, miết rãnh, dao trộn, bát trộn, hộp đựng bằng gỗ.	VN	1	ch	Hoạt động tốt
35	Cối Proctor tiêu chuẩn	VN	2	ch	Hoạt động tốt
36	Chày Proctor tiêu chuẩn	VN	2	ch	Hoạt động tốt
37	Cối Proctor cải tiến	VN	2	ch	Hoạt động tốt
38	Chày Proctor cải tiến	VN	2	ch	Hoạt động tốt
39	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh Bao gồm: Tấm ép D340mm, kích thuỷ lực 32tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực 16 tấn, bộ giàn đỡ thiên phân kế, 02 đồng hồ sơ 10x0,01mm	VN	1	bộ	Hoạt động tốt
40	Bộ dao vòng lấy mẫu đất. Bao gồm: Chày, Thanh dẫn, Gá dao vòng, 3 lưỡi dao	VN	2	bộ	Hoạt động tốt
41	Phễu rót cát hiện trường Kèm: Bình cát chuẩn bằng nhựa, tấm dung trọng hiện trường, 3 gim, túi vải.	VN	2	bộ	Hoạt động tốt
42	Cát chuẩn kiểm tra độ chặt, 0,3-0,6mm (50kg)	VN	100	kg	Hoạt động tốt
43	Thước 3m với thước đo độ võng, loại gấp đôi.	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
44	Bộ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát. Bao gồm: Hộp gỗ, ống đong tiêu chuẩn, bàn xoa chuẩn, chổi mềm.	VN	1	bộ	Hoạt động tốt
45	Tủ sấy 300C chỉ thị điện tử Model: 101-1A Dung tích: 71 lít	TQ	2	ch	Hoạt động tốt

Số TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	SL	ĐVT	Hiện trạng sử dụng
	Nhiệt độ: cài đặt tùy ý từ nhiệt độ môi trường đến 299 độC Chỉ thị bằng đồng hồ điện tử				
46	Cân kỹ thuật 5000g/0.01g (Labex-Anh) Model: HC-B50002 - Màn hình hiển thị màu LCD, rộng, thuận tiện cài đặt và sử dụng - Hộp chắn gió bảo vệ - Bảo vệ chống quá tải Thông số kỹ thuật: - Khả năng cân Max: 5000g - Độ chính xác: 0,01g - Độ lặp lại: 0.01g - Kích thước đĩa cân: Ø130mm - Kích thước cân: 34x26.5x24cm - Adapter: DC12V/AC6V	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
47	Cân điện tử ALC 15kg (VibraShinko - Nhật) Khả năng cân : 15kg ± 0.5g Cấp chính xác: II, OIML Kích thước đĩa cân: 230mm x 280mm 3 màn hình LCD. Tính năng: Đếm, cân thông thường, trừ bì. Nguồn điện: 220V/6V/4h hoặc AC/DC adaptor	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
48	Cân điện tử ALC 6kg (VibraShinko - Nhật) Khả năng cân : 6kg ± 0.2g Cấp chính xác: II, OIML Kích thước đĩa cân: 230mm x 280mm 3 màn hình LCD: số lượng, khối lượng tổn, khối lượng đơn vận mẫu Tính năng: Đếm, cân thông thường, trừ bì. Nguồn điện: 220V/6V/4h hoặc AC/DC adaptor	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
49	Cân điện tử ALC 30kg (Shinko - Nhật) Khả năng cân: 30kg ± 1g Cấp chính xác: II, OIML Kích thước đĩa cân: 230mm x 280mm 3 màn hình LCD: số lượng, khối lượng tổn, khối lượng đơn vận mẫu Tính năng: Đếm, cân thông thường, trừ bì. Nguồn điện: 220V/6V/4h hoặc AC/DC adaptor	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
50	Rọ cân thuỷ tĩnh 200x200	VN	2	ch	Hoạt động tốt
51	Bình khối lượng riêng 1000ml (Bình tam giác cổ rộng)	TQ	2	ch	Hoạt động tốt

Số TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	SL	ĐVT	Hiện trạng sử dung
52	Bình khối lượng riêng 2000ml (Bình tam giác cổ rộng)	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
53	Bình tam giác 100ml	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
54	Bình tam giác 250ml	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
55	Bình tam giác 500ml	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
56	Bình tam giác 1000ml	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
57	Ống đong thuỷ tinh 50ml	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
58	Ống đong thuỷ tinh 100ml	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
59	Ống đong thuỷ tinh 250ml	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
60	Ống đong thuỷ tinh 500ml	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
61	Ống đong thuỷ tinh 1000ml	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
62	Hộp nhôm D55x35	TQ	10	ch	Hoạt động tốt
63	Hộp nhôm D80x52	TQ	10	ch	Hoạt động tốt
64	Khay chứa mẫu 300x220x50mm	VN	10	ch	Hoạt động tốt
65	Khay chứa mẫu 200x100x50mm	VN	10	ch	Hoạt động tốt
66	Khay chứa mẫu 550x550x50mm	VN	10	ch	Hoạt động tốt
67	Nhiệt kế điện tử Model: TP101 Khoảng đo từ -50 đến 300 độ C	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
68	Nhiệt kế thuỷ tinh 100C	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
69	Tỷ trọng kế 151H, 0,995 TO 1,038 G/ML	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
70	Tỷ trọng kế 152H, -5 +60 G/LITRE	TQ	1	ch	Hoạt động tốt

Số TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	SL	ĐVT	Hiện trạng sử dụng
71	Máy xác định độ thấm bê tông điện tử Áp lực làm việc Max: 3.9MPa, Độ phân giải áp lực thực: 0,01Mpa; Bước cài đặt: 0,1 Mpa Tự động duy trì áp suất trong giới hạn cài đặt Điện áp nguồn 220V, 120W; Máy có thể kiểm tra đồng thời 6 mẫu D150xH150mm Điện áp nguồn: 220V/50Hz, 1 pha, 120W; (chưa kèm bộ gá mẫu)	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
72	Bộ gá mẫu thấm bê tông hình trụ D150xH150mm phù hợp với TCVN, ASTM (06 gá/1 bộ)	VN	2	Bộ	Hoạt động tốt
73	Bàn rung mẫu Bê tông 800x800mm Phù hợp với TCVN, ASTM, AASHTO Kích thước 800x800mm; Biên độ (không có tải): 0.3-0.6mm; Tần số rung: 2860r/min; Điện áp: 200v 50Hz 1.0kw	VN	1	chiếc	Hoạt động tốt
74	Nhớt kế VEBÉ VBR-1 Tiêu chuẩn ASTM Kích thước: 400x280x720mm Khối lượng: 60kg Gọn nhẹ, chính xác, dễ sử dụng; Nguồn điện: 220V/50Hz	TQ	1	bộ	Hoạt động tốt
75	Kích thủy lực 30 tấn hành trình 100mm Cung cấp gồm: Kích thủ lực 30 tấn(30kN) Khả năng kích tải Max: 30 tấn Hành trình kích: 100mm Đường kính rỗng tâm: 33mm Bơm thủy lực bằng tay CP700 dung tích dầu 0,7 lít Đồng hồ chỉ thị áp	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
76	Bộ xuyên bê tông (loại chỉ thị đồng hồ kim) Model: TZ-1200N (HG-80) Dùng xác định thời gian đông kết của bê tông Thể tích thùng chứa mẫu 0-1200N Tối thiểu phân chia 5N; Độ chính xác ±5N Khu vực chịu lực của Kim 100mm²; 50mm²;20mm²	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
77	Thiết bị đo modun đàn hồi khi nén Model: TM-2 Dùng cho mẫu trụ, kèm 2 đồng hồ 12.7mmx0,001mm	TQ	1	bộ	Hoạt động tốt
78	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn Model: JJ-5	TQ	2	ch	Hoạt động tốt

Số TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	SL	ĐVT	Hiện trạng sử dụng
	Thiết bị dùng tạo hỗn hợp vữa xi măng, kết cấu đơn giản, cấu tạo gọn, dễ sử dụng, an toàn. Bao gồm: Máy chính, cánh khuấy, nồi trộn, bộ phận tự rót cát đã được lập trình sẵn. Tốc độ quay chính của cánh khuấy: 140v/p và 280v/p Tốc độ quay hành tinh 62v/p và 125v/p Điện áp nguồn: 220V/50Hz, 1 pha Công suất: 550W Kích thước: 600x320x660mm Trọng lượng 70kg Dung tích: 5 lít				
79	Máy dằn vữa xi măng tiêu chuẩn Model: ZS-15 Biên độ rung: 15+/-0,3mm; Trọng lượng rung: 20kg Nguồn điện: 220V/50Hz	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
80	Thùng hấp mẫu xi măng Model: FZ-31A Dung tích: 31 lít; Công suất: 1.5KW; Trọng lượng: 20kg	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
81	Bàn dằn vữa xi măng Dùng để xác định độ lưu động của vữa xi măng Chiều cao dằn tiêu chuẩn: 12.7mm Kèm khâu chuẩn, chày đầm và thước kẹp 200mm	VN	2	ch	Hoạt động tốt
82	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm	TQ	2	bộ	Hoạt động tốt
83	Máy mài mòn Los Angeles Model: MH-II (MH-J) Tốc độ quay: 30-33vòng/phút; Kích thước thùng quay: Ø711* H508mm Hiển thị điện tử với bộ đếm có thể cài đặt số vòng quay tuỳ ý Điện áp ngồn: 220V/50hZ, 1phase, 1.5kW Kèm theo: Khay hứng mẫu và 12 viên bi chuẩn	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
84	Dụng cụ hấp phụ nước của cát (Bộ côn chày hấp phụ nước của cát)	VN	1	bộ	Hoạt động tốt
85	Bộ xác định đương lượng cát Bao gồm: Hộp gỗ, 3 ống mẫu chuẩn, dụng cụ xác định. (không kèm máy lắc)	VN	1	bộ	Hoạt động tốt
86	Hộp thấm đất nam kinh Model TST-55	TQ	1	hộp	Hoạt động tốt

Số TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	SL	ĐVT	Hiện trạng sử dụng
	+ Thân bằng đồng thau + Với các lỗ cho nước vào và ra + Dao vòng bằng thép không rỉ + Vòng đệm cao su và đá thấm. Kích thước mẫu thấm 61.8x40mm.				
87	Bộ thấm cột nước không đổi Model TST-70	TQ	1	bộ	Hoạt động tốt
88	Bộ trương nở đất WZ-II Dao vòng thấm 61,8x20mm. Thiết bị điều chỉnh cân bằng bằng đai ốc dưới cốc chứa nước, đồng hồ so 10x0,01mm	TQ	1	bộ	Hoạt động tốt
89	Bảng cột thấm nước 1 mẫu (đơn)	VN	1	ch	Hoạt động tốt
91	Máy đo điện trở đất 4105A Thông số kỹ thuật: - Giải đo: + Điện trở : 0~20Ω/0~200Ω/0~2000Ω + Điện áp đất [50,60Hz]: 0~200V AC - Độ chính xác + Điện trở: ±2%rdg±0.1Ω (20Ωrange) ±2%rdg±3dgt (200Ω/2000Ωrange) + Điện áp đất : : ±1%rdg±4dgt	Thái Lan	1	bộ	Hoạt động tốt
92	Bộ dụng cụ đo độ nhớt của sơn Model: 124/1 Cung cấp bao gồm trọn bộ: Cốc tiêu chuẩn bằng đồng lỗ chảy 4mm±0,02mm, bộ gá bằng Inox có bọt thủy, cốc chứa mẫu bằng Inox	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
93	Dao thử mài độ bám dính màng sơn Model: BGD504/5 Số lượng dao cắt: 01 lưỡi Số lượng răng cắt: 06 răng Khoảng cách cắt giữa răng cắt: 2mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
94	Thiết bị đo độ bền rửa trôi của màng sơn Model: BGD526 Hành trình mài rửa: 300mm Chu kỳ rửa: 5-95 times/min Phạm vi đếm: 999 times Kích thước bàn kiểm tra: 430x150x0.03mm	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
95	Máy đo thời gian khô của màng sơn Model: BGD261 Hãng sản xuất: Biuged Nguồn điện: AC 110V～220V, 50～60HZ Độ chính xác thời gian: ±0.5% Phạm vi thời gian: 6h - 12h – 24h	TQ	1	ch	Hoạt động tốt

Số TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	SL	ĐVT	Hiện trạng sử dụng
	Kích thước dải kính 48h: 329×24×3mm				
96	Thiết bị đo độ dày lớp phủ sơn (lớp mạ) trên nền PE và NFE model: MC996 Chức năng: Đo từng điểm hoặc quét Phạm vi : 0~1500µm Độ chính xác : ±2µm, Độ phân giải : 0,1µm, Hiệu chuẩn : Điểm không/Đa điểm, Đơn vị : µm/mil.	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
97	Lò nung 300^{0}C; Model: 101-1A Nhiệt độ Max: 300^{0}C	TQ	2	ch	Hoạt động tốt
98	Máy khoan rút lõi bê tông	TQ	1	ch	Hoạt động tốt
99	Kính lúp	VN	1	ch	Hoạt động tốt

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của phòng thí nghiệm mã số LAS-XD 53.003)